

# Nhà văn Cung Giũ Nguyễn và những người học sinh cũ

Giáo Sư Nguyễn-Xuân Hoàng

Mấy ngày trước Tết, một số bạn học thời nhỏ ở Nhatrang gọi nhau gửi thư chúc Tết thầy cô giáo cũ còn ở quê nhà. Một người bạn cùng trường bảo tôi “cậu nên viết cho Thầy Cung Giũ Nguyễn một cái thư đi. Dù sao cậu và Thầy Nguyễn cũng có chỗ giống nhau”. Tôi hỏi giống nhau chỗ nào? Bạn tôi bảo “thì Thầy Nguyễn là nhà văn, mà cậu cũng viết văn.” Tôi nghĩ viết thư chúc tết Thầy cô thì ai cũng viết được,



cứ gì phải là nhà văn. Và tôi đã viết thư thăm Thầy như một cậu học trò ngày xưa nhớ về Thầy mình. Tôi không còn nhớ hết các thầy cô thời tiểu học, nhưng ở Trung học tôi còn nhớ nhiều vị, mặc dù tôi biết chắc các thầy/cô tôi không nhớ tôi là đứa nào. Cũng dễ hiểu thôi.

Tôi chỉ là một học sinh tầm thường trong đám học sinh tầm thường, không xuất sắc một môn học nào và cũng không quậy phá như đám nhà lá khác. Tôi chỉ biết tôi có một khuôn mặt lầm lì, khó ưa. Thuở đó tôi là một học sinh ghét nhà trường và sách vở. Lớp học, với tôi đôi khi chỉ là tù ngục. Cuốn vở tôi không chép bài học mà chỉ tràn ngập chỉ chút những hình vẽ, những khuôn mặt mà tôi rất ghét, những bầu trời giông bão mà tôi tưởng tượng một ngày nào sẽ xảy ra trên thành phố tôi đang sống. Tôi vẽ những ngôi nhà đổ nát, những đường phố không bóng người. Những chiếc xe nằm ụ bốc cháy. Xác người la liệt nằm lớp lớp trên bãi biển, sóng xô dạt vào bờ rồi kéo ra khơi xa... Nhà tôi ở gần nhà thầy Điềm phụ trách môn hội họa. Phòng khách của Thầy treo nhiều tranh, phần lớn là phong cảnh và một bức lớn, gần như chiếm hết tầm vách ngó ra mặt đường. Bức tranh vẽ biển xanh với bãi cát trắng, mấy cây dừa lá ngọn. Tranh vẽ như chụp lại từ một bức ảnh. Thầy người Nam, tánh tình cởi mở, học trò đứa nào cũng thương thầy. Giờ hội họa, đứa nào cũng được Thầy cho điểm cao. Phần tôi, Thầy luôn luôn nhắc, “*vẽ như mày mai mốt bán tranh cho ai. Sao không giống gì cả vậy. Biển trong tranh của con, thầy thấy giống như chậu nước rửa chén. Đầu óc mày không bình thường.*” Tôi nói tôi thích thầy, nhưng không thích tranh của thầy. Tôi cũng không ưa môn văn với những tác phẩm đầy điển tích khó hiểu. Tôi chịu không nổi những *Nhị Độ Mai*, *truyện Trê Cóc*, v.v.. Tôi chỉ nhớ lóm bóm mấy câu của Cao Bá Quát, bài *Đạo Phùng Nga Phu* (Đi Đường Gặp Người Đói). Ngày hai có chiếc tráp, ngày ba nhịn đói dài, thấy ai cũng tươi tỉnh, muốn nói nhưng nghẹn lời... Có lẽ tôi bị ảnh hưởng của cha tôi. Cả đời ông chỉ thuộc có mỗi một bài thơ, bài *Thạch Hào Lại* của Đỗ Phủ. Nghe ông đọc đi đọc lại mãi sau mỗi chén rượu tôi tôi nhập tâm hồi nào không hay. “*Mộ*

*đầu Thạch hào thôn. Hữu lại dạ tróc nhân. Lão ông du tường tẩu. Lão phụ xuất môn nghênh.*”\* [Ngô Tất Tố dịch ra thơ lục bát: *Lính lệ Thạch Hào: Chiều hôm, tới xóm Thạch Hào, Đương đêm có lính lao xao bắt người. Vượt tường ông lão trốn rồi, Cửa ngoài, mẹ vợ một, hai mời chào...*). Ông thường nói nên lập thân bằng binh nghiệp, đừng lập thân bằng văn chương. Văn chương chỉ là thứ vớ vẩn. Ông cũng thường hỏi tôi mà thích gì? Tôi trả lời “Con không biết.” “Nhưng ít ra mày cũng phải biết mày thích một thứ gì chứ. Như tao đây này. Tao biết tao thích thứ gì và tao ghét thứ gì.” Tôi nói tôi thích nhìn biển động, tôi thích trời sập, tôi thích thế giới này không còn một bóng người... Cha tôi nói “đồ ngu, thế giới không còn ai thì mày sống với ai?” **Còn sợ?** Tôi sợ những giờ học, sợ bị đóng khung - bất cứ thứ gì đóng khung cũng làm tôi sợ..... Tôi sợ thầy giáo, sợ nghề dạy học, sợ những ông bà công chức, sợ giấy tờ, sợ những ngày lễ lạc, sợ trói buộc, sợ gò bó... Tôi nghĩ, mình học hành còn không ra chi, nói gì làm nghề dạy người khác. Và lớn lên tôi trốn chạy nó, trốn chạy mãi, nhưng như một người đi trong mê lộ, cuối cùng tôi gặp lại khởi điểm, nơi từ đó tôi đã ra đi: dạy học. Cũng may bố già Nguyễn Đình Vượng đã cứu tôi một nửa, khi tôi bước vào tờ Văn, một nửa còn lại chấm dứt khi cuộc chiến tranh Việt Nam kết thúc. Tôi tìm thấy tôi.

Nhưng những ngày giáp Tết vừa qua, khi những bạn học cũ thời nhỏ của tôi nhắc nhớ việc viết thư chúc Tết thầy/cô tôi thấy những suy nghĩ đã từng làm tôi đau nhức ngày xưa trở lại trong tôi. Và hiện lại trong tôi rõ nét nhất là Thầy Cung Giũ Nguyễn.

Nhưng tại sao Thầy Cung Giũ Nguyễn mà không là ông thầy, bà cô nào khác? Tôi không tìm thấy câu trả lời chính xác. Có thể vì hồi mới lớn tôi nghe người ta thường nhắc Thầy là “nhà văn”, là tác giả cuốn tiểu thuyết viết bằng tiếng Pháp, cuốn *Le Fils de la Baleine*. Cũng chỉ là nghe thôi chứ không hề thấy mặt mũi cuốn sách ra sao nói gì đọc. Rồi câu chuyện về mối tình của Thầy Nguyễn với một thiếu nữ. Cô gái kia chắc cùng tuổi tôi, hay thua tôi một hoặc hai tuổi, còn Thầy Nguyễn, tôi biết Thầy lớn hơn tôi chừng 30 tuổi. Người ta đàm tiếu, thêu dệt về mối tình của Thầy. Thời gian đó tôi đã vào Sài Gòn, học trường Petrus Ký, nhiều khi nghe người khác kể lại tôi ngạc nhiên tự hỏi tại sao người ta tốn quá nhiều thì giờ về một mối tình đẹp đẽ của Thầy Nguyễn như thế! Thầy Nguyễn là một con người, và là một con người tài hoa.

Cách đây mấy năm, tình cờ, tôi được đọc một tác phẩm mới của thầy, cuốn *Thái Huyền*, do nhà Đại Nam ấn hành. Đây là bản dịch cuốn *Le Boujoum* tiếng Pháp, dày 700 trang đã xuất bản tại Pháp năm 1980.

Khi đó Thầy Cung Giũ Nguyên đã 71 tuổi. Chính Thầy Cung Giũ Nguyên đã - theo lời yêu cầu của nhà xuất bản Đại Nam - dịch tác phẩm của mình ra tiếng Việt. Cuốn Thái Huyền tôi có trong tay là tập một. Đọc lại phần tiểu sử mới biết Thầy đã viết truyện ngắn đầu tay đăng trên tờ Đông Pháp Thời Báo năm 1928 tức là năm Thầy mới 19 tuổi. Những tác phẩm Thầy Cung Giũ Nguyên viết trực tiếp bằng tiếng Việt đã xuất bản gồm: *Một Người Vô Dụng*, tiểu thuyết, 1930; *Nhân Tình Thế Thái*, truyện ngắn, 1931; *Nợ Văn Chương*, tiểu thuyết, 1934. Năm 1938 Thầy chủ trương tờ *Les Cahiers de la Jeunesse*; làm chủ bút nhật báo *Le Soir d'Asie*, 1940-1941 và *La Presse d'Extrême-Orient*, 1954. Bài của Thầy Nguyên cũng có mặt trên tạp chí Đại học Hoa Kỳ *Syposium* ở Syracuse, New York, 1952 và *Books Abroad* ở

Norman, Oklahoma, 1956. Về sách trực tiếp viết bằng tiếng Pháp có *Volontés d'Existence* (Những Ý Chí Để Sống Còn), tiểu luận, France-Asie, Saigon, 1954. Tiểu thuyết *Le Fils de la Baleine*, (Con Ông Nam Hải) Arthème Fayard, Paris, 1956, được dịch ra tiếng Đức xuất bản năm 1957, tại Genève và Franfort dưới nhan đề *Der Sohn des Walfischs*. Viện sĩ Hàn Lâm Pháp, ông Daniel Rops trong khi phê bình quyển truyện này đã có ý xếp Cung Giũ Nguyên ngang hàng với Giono, một nhà văn lừng danh của Pháp.

Tôi biết chắc là Thầy không thích tôi nói lăng nhăng về Thầy, nhưng tôi mong là Thầy sẽ tha thứ cho tôi về những phát biểu linh tinh của một người học trò cũ. Tôi chắc chắn sẽ có dịp viết thêm về nhà văn Cung Giũ Nguyên, người Thầy ngày xưa của tôi ...

